

Số **11** /TB-BV

Thái Nguyên, ngày **5** tháng **1** năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc tổ chức đào tạo liên tục xã hội hóa năm 2022

Kính gửi: Các đơn vị y tế.

Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên thông báo về việc tổ chức đào tạo liên tục xã hội hóa năm 2022 như sau:

*** Đào tạo liên tục theo lớp**

- Danh mục đào tạo, đối tượng, thời gian khai giảng, định mức kinh phí: Phụ lục;
- Hình thức học tập:
 - + Tập trung, liên tục (học lý thuyết và thực hành liên tục).
 - + Tập trung, không liên tục (học lý thuyết tập trung, học thực hành không liên tục trong đó thời gian học thực hành cho phép tối đa gấp 2 lần tổng thời gian khóa học).
- Địa điểm đào tạo: Tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên hoặc tại đơn vị nếu đơn vị có nhu cầu và có đủ điều kiện để tổ chức đào tạo.
- Không giới hạn thời gian đăng ký học viên.

*** Đào tạo khác**

- Đào tạo chuyển giao kỹ thuật trọn gói: Đảm bảo cho đơn vị nhận chuyển giao kỹ thuật có thể độc lập thực hiện kỹ thuật; (Pha 1 đào tạo tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Pha 2 CGKT tại cơ sở).
- Đào tạo cầm tay chỉ việc: Áp dụng trong những trường hợp số học viên đăng ký theo lớp không đủ hoặc học viên không chờ được lớp; Thực hành lâm sàng sau tốt nghiệp; Thực tập tốt nghiệp; Đào tạo theo yêu cầu cụ thể khác của đơn vị, cá nhân.

Danh sách đăng ký học viên ở các nội dung xin được thông báo qua Email hoặc FAX và gửi qua đường bưu điện theo địa chỉ: Trung tâm Đào tạo và Chỉ đạo tuyến – Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, số 479 – đường Lương Ngọc Quyến – TP Thái Nguyên – Tỉnh Thái Nguyên.

Thông báo này được đăng tải trên trang Website của Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên tại địa chỉ Bvtuthainguyen.gov.vn.

*** Hồ sơ nhập học của học viên gồm:**

- Sơ yếu lý lịch (có xác nhận địa phương) nếu là học viên tự do hoặc quyết định cử đi học của đơn vị nếu do đơn vị cử đi học;
- Bằng chuyên môn photo có công chứng;
- 01 ảnh thẻ kích thước 3x4;
- Chứng minh thư hoặc thẻ căn cước công dân photo công chứng.

Chi tiết xin liên hệ:

DD: - BSCKII. Đào Minh Nguyệt – Phó Giám đốc TTĐT & CĐT: 0986.661.479

- BS. Ân Thị Thu Hà – Chuyên viên TTĐT & CĐT: 0915.199.998

- CN. Nguyễn Thị Việt – Chuyên viên TTĐT & CĐT: 0375.117.552

CD: 02083.659.033.

Nơi nhận

- Như kính gửi;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Các khoa, phòng, trung tâm (để phối hợp thực hiện);
- Lưu VT, TTĐT & CĐT.



BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN

DANH MỤC CÁC KHÓA ĐÀO TẠO LIÊN TỤC XÃ HỘI HÓA TỔ CHỨC NĂM 2022

I. Đào tạo liên tục theo lớp

Sst	Tên khóa đào tạo	Thời gian	Đối tượng học viên	Kinh phí/khóa (Đồng)	Hình thức chứng nhận
1	Giấy mê hồi sức cơ bản	09 tháng	BSDK, ED, KTV, Y sỹ	27.000.000	Chứng chỉ
2	Điều dưỡng Giấy mê hồi sức	06 tháng	ED, Y sỹ	18.000.000	Chứng chỉ
3	Tai mũi họng cơ bản	06 tháng	BSDK	18.000.000	Chứng chỉ
4	Kỹ thuật nội soi tai mũi họng	03 tháng	BSDK	9.000.000	Chứng chỉ
5	Phẫu thuật cắt Amidan, nạo VA	03 tháng	BSDK	9.000.000	Chứng chỉ
6	Phẫu thuật nội soi chức năng mũi xoang cơ bản	03 tháng	BSDK	9.000.000	Chứng chỉ
7	Điều dưỡng chuyên ngành Tai mũi họng cơ bản	03 tháng	ED, Y sỹ	9.000.000	Chứng chỉ
8	Trợ giúp nội soi Tai mũi họng	01 tháng	ED, Y sỹ	3.000.000	Chứng chỉ
9	Răng hàm mặt cơ bản	09 tháng	BSDK	27.000.000	Chứng chỉ
10	Trợ thủ nha khoa	06 tháng	BS, DD, KTV, Y sỹ	18.000.000	Chứng chỉ
11	Điều dưỡng Răng hàm mặt cơ bản	06 tháng	ED, Y sỹ	18.000.000	Chứng chỉ
12	Khám và điều trị một số bệnh nhân khoa thông thường	03 tháng	BSDK	9.000.000	Chứng chỉ
13	Nhân khoa cơ bản	06 tháng	BSDK	18.000.000	Chứng chỉ
14	Điều dưỡng chuyên ngành nhân khoa cơ bản	03 tháng	ED, Y sỹ	9.000.000	Chứng chỉ
15	Điều dưỡng ngoại khoa cơ bản	03 tháng	ED, Y sỹ	9.000.000	Chứng chỉ
16	Kỹ thuật viên dụng cụ mổ mở	03 tháng	EDDK, Y sỹ DK (1 năm làm việc tại phòng mổ trở lên)	9.000.000	Chứng chỉ
17	Điều dưỡng sản phụ khoa	03 tháng	ED, Y sỹ	9.000.000	Chứng chỉ
18	Hộ sinh nâng cao	03 tháng	Hộ sinh sau tốt nghiệp	9.000.000	Chứng chỉ
19	Ứng thư cơ bản	06 tháng	BSDK	18.000.000	Chứng chỉ
20	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý cơ xương khớp cơ bản và nâng cao	06 tháng	BSDK	18.000.000	Chứng chỉ

21	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý cơ xương khớp cơ bản	03 tháng	BSDK		9.000.000	Chứng chỉ
22	Kỹ thuật thận nhân tạo	06 tháng	BSDK, DDDK, KTV, Y sỹ ĐK		18.000.000	Chứng chỉ
23	Thăm mỷ và ứng dụng công nghệ Laser, Điện từ trường, Tế bào gốc trong chuyên ngành Da liễu	03 tháng	BS Da liễu, BSDK,BS RHM, BS YHCT		15.000.000	Chứng chỉ
24	Hồi sức cấp cứu Nhi và sơ sinh	03 tháng	ĐD, Y sỹ		9.000.000	Chứng chỉ
25	Chẩn đoán, điều trị và quản lý người bệnh đái tháo đường	03 tháng	BSDK		9.000.000	Chứng chỉ
26	Điều dưỡng Nội khoa cơ bản	03 tháng	ĐD, Y sỹ		9.000.000	Chứng chỉ
27	Điều dưỡng Hồi sức tích cực – chống độc cơ bản	03 tháng	ĐD, Y sỹ		9.000.000	Chứng chỉ
28	Chăm sóc người bệnh đái tháo đường	01 tháng	ĐD, Y sỹ		3.000.000	Chứng chỉ
29	Chẩn đoán và điều trị tăng huyết áp	01 tháng	ĐD, Y sỹ		3.000.000	Chứng chỉ
30	Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng cơ bản	03 tháng	BSDK, ĐD, KTV, Y sỹ		9.000.000	Chứng chỉ
31	Điều dưỡng chuyên ngành truyền nhiễm cơ bản	03 tháng	ĐD, Y sỹ		9.000.000	Chứng chỉ
32	Thực hành sử dụng thuốc tiêu huyết khối trong điều trị bệnh nhân nhồi máu não cấp	03 tháng	BSDK, BS cấp cứu, BS nội khoa, ĐD cấp cứu và nội khoa, HS		9.000.000	Chứng chỉ
33	Điều dưỡng cấp cứu ban đầu	03 tháng	ĐD, Y sỹ		9.000.000	Chứng chỉ
34	Cấp cứu cơ bản	03 tháng	BSDK		9.000.000	Chứng chỉ
35	Chẩn đoán và can thiệp sớm rối loạn phổ tự kỷ	03 tháng	BS, ĐD, Cán bộ tâm lý, KTV		9.000.000	Chứng chỉ
36	Kỹ thuật chụp, đọc CT cơ bản	03 tháng	BS, KTV chẩn đoán hình ảnh		10.000.000	Chứng chỉ
37	Kỹ thuật chụp CT cơ bản	03 tháng	BS, KTV chẩn đoán hình ảnh		10.000.000	Chứng chỉ
38	Kỹ thuật chụp, đọc cộng hưởng từ cơ bản	03 tháng	BS, KTV chẩn đoán hình ảnh		10.000.000	Chứng chỉ
39	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ cơ bản	03 tháng	BS, KTV chẩn đoán hình ảnh		10.000.000	Chứng chỉ
40	Kỹ thuật chụp và đọc phim XQuang cơ bản	03 tháng	BSDK		9.000.000	Chứng chỉ
41	Kỹ thuật chụp phim XQuang cơ bản	03 tháng	ĐD, KTV, Y sỹ		9.000.000	Chứng chỉ
42	Kỹ thuật siêu âm Doppler tìm cơ bản	03 tháng	BS ĐK (Đã có chứng chỉ SẮTQ hoặc CDHA)		13.000.000	Chứng chỉ
43	KT siêu âm Doppler mạch máu	03 tháng	BS ĐK (Đã có chứng chỉ SẮTQ)		13.000.000	Chứng chỉ
44	KT siêu âm khớp	03 tháng	BS ĐK (Đã có chứng chỉ SẮTQ)		13.000.000	Chứng chỉ
45	Kỹ thuật siêu âm ổ bụng	03 tháng	BSDK		9.000.000	Chứng chỉ

46	Kỹ thuật siêu âm sản phụ khoa cơ bản	03 tháng	BSDK, CK Sản (Đã có chứng chỉ SẮTQ)	9.000.000	Chứng chỉ
47	Kỹ thuật nội soi tiêu hóa trên	06 tháng	BSDK	18.000.000	Chứng chỉ
48	Nội soi tiêu hóa trên nâng cao	03 tháng	BSDK (Đã có chứng chỉ NSTH trên CB)	15.000.000	Chứng chỉ
49	Nội soi tiêu hóa dưới	03 tháng	BSDK (Đã có chứng chỉ NSTH trên CB)	13.000.000	Chứng chỉ
50	Trợ giúp nội soi tiêu hóa dưới	03 tháng	ĐD, KTV, Y sỹ	9.000.000	Chứng chỉ
51	Trợ giúp nội soi tiêu hóa trên	03 tháng	ĐD, KTV, Y sỹ	9.000.000	Chứng chỉ
52	Kỹ thuật ghi điện tâm đồ cơ bản	01 tháng	ĐD, KTV, Y sỹ	3.000.000	Chứng chỉ
53	Kỹ thuật ghi và đọc điện tâm đồ cơ bản	01 tháng	BSDK	5.000.000	Chứng chỉ
54	Kỹ thuật ghi và đọc điện não đồ cơ bản	1.5 tháng	BSDK	5.000.000	Chứng chỉ
55	Kỹ thuật ghi điện não đồ cơ bản	01 tháng	ĐD, KTV, Y sỹ	3.000.000	Chứng chỉ
56	Sinh hóa miễn dịch cơ bản	06 tháng	BSDK, DD, KTV, Y sỹ	22.000.000	Chứng chỉ
57	Kỹ thuật xét nghiệm sinh hóa cơ bản	03 tháng	BS, DD, KTV, Y sỹ, Dược sỹ, CN Sinh	11.000.000	Chứng chỉ
58	Kỹ thuật xét nghiệm vi sinh cơ bản	03 tháng	BS, DD, KTV, Y sỹ, Dược sỹ, CN Sinh	9.000.000	Chứng chỉ
59	Kỹ thuật xét nghiệm Huyết học và truyền máu nâng cao	06 tháng	BSDK, DD, KTV, Y sỹ	21.000.000	Chứng chỉ
60	Kỹ thuật xét nghiệm Huyết học và truyền máu cơ bản	03 tháng	BSDK, DD, KTV, Y sỹ	10.500.000	Chứng chỉ
61	Cập nhật truyền máu, chế phẩm máu trên lâm sàng	03 tháng	BS, CNKT, KTV	9.000.000	Chứng chỉ
62	Chế phẩm máu trên lâm sàng	03 tháng	ĐD, KTV, Y sỹ	9.000.000	Chứng chỉ
63	Truyền máu trên lâm sàng	03 tháng	BSDK, DD, KTV, Y sỹ	9.000.000	Chứng chỉ
64	Gạn tách các thành phần máu điều trị	03 tháng	BSDK	9.000.000	Chứng chỉ
65	Kỹ thuật đông máu cơ bản trên máy tự động	01 tháng	BSDK, DD, KTV, Y sỹ	5.000.000	Chứng chỉ
66	Kỹ thuật xét nghiệm Tổng phân tích tế bào máu, nhóm máu cơ bản, máu lắng và TS-TC	01 tháng	BSDK, DD, KTV, Y sỹ	5.000.000	Chứng chỉ
67	Kỹ thuật xét nghiệm Giải Phẫu bệnh cơ bản	03 tháng	BSDK, DD, KTV, Y sỹ	12.000.000	Chứng chỉ
68	Kỹ thuật xét nghiệm tế bào học nâng cao	03 tháng	BS, DD, KTV, Y sỹ, Dược sỹ, CN Sinh	10.500.000	Chứng chỉ
69	Kỹ thuật xét nghiệm tế bào Giải phẫu bệnh	03 tháng	BS, DD, KTV, Y sỹ, Dược sỹ, CN Sinh	10.500.000	Chứng chỉ
70	Kỹ thuật xét nghiệm tế bào học	03 tháng	BS, DD, KTV, Y sỹ, Dược sỹ, CN Sinh	12.000.000	Chứng chỉ
71	Chẩn đoán tế bào học cơ bản	03 tháng	BS, CNKT, KTV	10.500.000	Chứng chỉ

72	Chẩn đoán mô bệnh học các tổn thương của phổi	03 tháng	BS, CNKT, KTV		10.500.000	Chứng chỉ
73	Kỹ thuật tế bào học cơ bản	01 tháng	BSDK, KTV		5.000.000	Chứng chỉ
74	Kỹ thuật xét nghiệm sang lọc bệnh tan máu bẩm sinh	01 tháng	BSDK, ĐD, KTV, Y sỹ		5.000.000	Chứng chỉ
75	Kỹ thuật Real-time Revert transcription polymerchain reactor (RT-PCR) trong chẩn đoán virus SARS-CoV-2	03 ngày	BS, KTV, ĐD, Công nghệ sinh học, Hộ sinh		2.000.000	Chứng chỉ
76	Thực hành Dược lâm sàng trong bệnh viện	03 tháng	Dược sỹ đại học		9.000.000	Chứng chỉ
77	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	03 tháng	BSDK, ĐD, KTV, Y sỹ		9.000.000	Chứng chỉ
78	Đạo đức trong nghiên cứu khoa học y học	05 ngày	BSDK, Dược sỹ, ĐD, KTV, Y sỹ		3.000.000	Chứng chỉ

II. Đào tạo liên tục khác

Stt	Nội dung	Thời gian (Tháng)	Đối tượng học viên	Thời gian khai giảng dự kiến	Kinh phí (Đồng/tháng)		Hình thức chứng nhận
					Phí đào tạo	Phí vật tư, hóa chất, khắc	
1	Đào tạo chuyên giao kỹ thuật theo gói	Theo Đề cương CGKT được phê duyệt	Các đối tượng có nhu cầu	-	Căn cứ dự toán được phê duyệt		Chứng chỉ
2	Đào tạo kèm cặp						
2.1	Không đủ HV tổ chức theo lớp hoặc do không chờ được lớp	Như đào tạo theo lớp					Chứng chỉ
2.2	Thực hành lâm sàng sau tốt nghiệp điều dưỡng	3 tháng đầu	Các đối tượng có nhu cầu	-	2.000.000đ	50.000đ	Giấy chứng nhận cấp cuối đợt
		Từ tháng T4-T9	Các đối tượng có nhu cầu	-	500.000đ		
		Từ tháng T10 trở đi	Các đối tượng có nhu cầu	-	-		
2.3	Thực hành lâm sàng sau tốt nghiệp bác sĩ	18 tháng	Các đối tượng có nhu cầu	-	18.000.000		Giấy chứng nhận
2.4	Nội dung học theo yêu cầu cụ thể của học viên	Do lãnh đạo khoa và TT ĐT quyết định	Các đối tượng Có nhu cầu	-	≥3.000.000đ *	Căn cứ nội dung học tập cụ thể	Giấy chứng nhận
3	Thực tập tốt nghiệp	Theo nhu cầu	Mọi đối tượng	-		Căn cứ nội	Giấy chứng nhận

		HV	không thuộc HD đào tạo với BV		500.000đ	dùng học tập cụ thể	
4	Đào tạo lại các trường hợp đã được cấp GCN tại BVTWTN	Theo nhu cầu	Phải đăng ký học lại đủ thời gian như 1 khóa học bình thường (Thời gian từ năm 2012 đến nay)		1.000.000 đ		Chứng chỉ

*** Ghi chú:**

1. Ký hiệu (*) ở mục 2.3: Mức thu cụ thể được căn cứ vào yêu cầu học tập của học viên để quyết định;
2. Đối với các khóa đào tạo tại cơ sở thì mức thu kinh phí/khóa học sẽ bao gồm kinh phí tính theo tổng số lượng học viên và các chi phí phục vụ khảo sát, đi lại, công tác phí và các chi phí phát sinh khác (có dự toán chi tiết và thông báo cho cơ sở trước khi tổ chức đào tạo).